TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS-ST
Ngày: 06 – 5 – 2022.
"V/v tranh chấp: Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Huy Tùng.

2/ Ông Tăng Văn Thành.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lý Thị Qual, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đào Minh K, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số X, đường L, khóm Y, phường Z, thành phố S, tỉnh S.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K: Bà Cao Thị V, sinh năm 1950. Địa chỉ: Số X, đường L, khóm Y, phường Z, thành phố S, tỉnh S (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/4/2022) (Có mặt).

- *Bị đơn:*

1/Ông Bùi Văn H, sinh năm 1962 (Vắng mặt).

2/Bà Lê Thị L, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/7/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết án cũng như tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 28/6/2011, ông Bùi Văn H và bà Lê Thị L có vay của ông K số tiền 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng), lãi suất 4%/tháng, thời hạn vay 60

ngày. Đến hẹn ông H, bà L không trả như đã thỏa thuận. Ngày 01/3/2012, tại biên bản làm việc của Phòng cảnh sát điều tra Công an tỉnh S ông H thừa nhận có nợ ông K số tiền 180.000.000đ và hẹn đến tháng 8/2012 sẽ trả nhưng cũng không thực hiện. Sau đó ông H có ký tên và hứa sẽ thanh toán vào ngày 20/3/2013 nhưng đến hẹn vẫn không thực hiện việc trả nợ. Như vậy ông H, bà L nhiều lần hứa hẹn nhưng không thực hiện việc trả nợ.

Nay ông Đào Minh K yêu cầu Tòa án buộc ông Bùi Văn H, bà Lê Thị L phải trả cho ông số tiền 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng). Không yêu cầu tính lãi (Rút lại phần yêu cầu tính lãi so với khởi kiện ban đầu).

Bị đơn ông Bùi Văn H, bà Lê Thị L không có lời trình bày do vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo về việc thụ lý vụ án số 121/TB-TLVA ngày 04 tháng 12 năm 2020, tống đạt hợp lệ cho các bị đơn ông H, bà L nhưng các bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với các bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về việc vắng mặt của các bị đơn, không tiến hành hòa giải được và các bị đơn cũng không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Về việc tuân thủ pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ cơ sở để khẳng định việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) là có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Tại phiên tòa hôm nay các đương sự đều vắng mặt. Nhưng nguyên đơn có người đại diện tại tòa. Riêng bị đơn mặc dù đã được tống đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Xét về hình thức và nội dung của hợp đồng vay tài sản giữa hai bên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Ông Bùi Văn H và bà Lê Thị L có làm biên nhận nợ với ông Đào Minh K.

- Xét về quá trình thực hiện hợp đồng: Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã có đủ cơ sở xác định ông H, bà L có nợ ông K số tiền gốc 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) là sự thật. Ông K đã thực hiện đúng nghĩa vụ của người cho vay được quy định tại Điều 465 Bộ luật dân sự. Còn ông H, bà L sau khi vay tiền đã không thực hiện đúng như đã cam kết. Như vậy ông H, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Theo đơn khởi kiện ông K yêu cầu tính lãi nhưng quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa đại diện ông K thay đổi một phần yêu cầu, không yêu cầu tính lãi chỉ yêu cầu hoàn trả số tiền gốc. Xét thấy việc thay đổi một phần yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Tài liệu, chứng cứ chứng minh: Theo như ông K trình bày thì từ khi vay đến nay ông H, bà L không có đóng lãi phần nào cả. Do bị đơn ông H, bà L vắng mặt tại phiên tòa nên không thể đối chất giữa hai bên. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù bị đơn cố tình vắng mặt nhưng Tòa án đã cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ theo luật định và phía bị đơn không phản đối những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn đưa ra do đó nguyên đơn không phải chứng minh những tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án được quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Ông Bùi Văn H và bà Lê Thị L có nợ ông Đào Minh K 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) từ ngày 28/6/2011. Sau nhiều lần hứa hẹn thì lần sau cùng ông H hứa thanh toán là vào ngày 20/3/2013. Tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm". Như vậy là quá thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên tại Điều 155 quy định không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong trường hợp bảo vệ quyền sở hữu. Do đó việc ông K yêu cầu Tòa án buộc ông H, bà L trả lại số tiền gốc 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[6] Kiểm sát viên tại phiên tòa nêu quan điểm về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 357; Điều 155; Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Minh K.

2. Buộc ông Bùi Văn H, bà Lê Thị L liên đới hoàn trả cho ông Đào Minh K số tiền 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) .

Kể từ ngày ông Đào Minh K có đơn yêu cầu thi hành án thì ông H, bà L còn phải liên đới trả lãi cho ông K theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Bùi Văn H, bà Lê Thị L phải liên đới nộp 9.000.000đ (Chín triệu đồng) tiền án phí.

- Ông Đào Minh K không phải chịu án phí. Ông Kháng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0005808 ngày 01/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện T;
-Chi cục THA huyện T;
-TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
-Các đương sự.
-Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng